

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VHDT VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VHDT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VHDT VIET NAM IMPORT-EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VHDT JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110145706

**3. Ngày thành lập:** 10/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 10, ngách 61/45 phố Trạm, tổ 14, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906831868

Fax:

Email: thanhvanpv@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                     | 4330     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                | 4390     |
| 3.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá tài sản)                             | 4511     |
| 4.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                        | 4512     |
| 5.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động môi giới, đấu giá)                             | 4513     |
| 6.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                     | 4520     |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)      | 4530     |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ đấu giá và hoạt động của đấu giá viên)                  | 4610     |
| 9.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại pháp luật cấm) | 4620     |
| 10. | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                     | 4631     |
| 11. | Bán buôn thực phẩm<br>(trừ thực phẩm chức năng)                                                    | 4632     |
| 12. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                               | 4641     |

|     |                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. | 4649        |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                           | 4651        |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                       | 4652        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                          | 4659        |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                       | 4663        |
| 18. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                             | 4669        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                     | 8299(Chính) |
| 20. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                  | 9521        |
| 21. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình<br>(Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                         | 9522        |
| 22. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                         | 9524        |
| 23. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                    | 6810        |
| 24. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn pháp luật)                                                                                             | 6820        |
| 25. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                             | 4721        |
| 26. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ thực phẩm chức năng)                                                                                                                                                 | 4722        |
| 27. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                | 4723        |
| 28. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                            | 4791        |
| 29. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                   | 5210        |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế                                                                                                   | 7730        |
| 31. | Tái chế phế liệu<br>(trừ các sản phẩm công nghệ thông tin)                                                                                                                                                                    | 3830        |
| 32. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4741        |
| 33. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                     | 4742        |
| 34. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4751        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 36. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 37. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 38. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế                                                | 4772 |
| 39. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 900.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                               | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG THI TIỀN | Số nhà 10, ngách 61/45 phố Trạm, tổ 14, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 198.000    | 1.980.000.000         | 22,000    | 033186008739                                                                                |         |
|     |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                      | Tổng số                   | 198.000    | 1.980.000.000         | 22,000    |                                                                                             |         |

|   |                      |                                                                                        |                           |         |               |        |                  |
|---|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 2 | NGUYỄN THỊ THANH VÂN | Số 34, ngõ 6 được phẩm La Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 306.000 | 3.060.000.000 | 34,000 | 0221840036<br>27 |
|   |                      |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                        | Tổng số                   | 306.000 | 3.060.000.000 | 34,000 |                  |
| 3 | CHU THỊ HIỀN         | TDP Bông Hồng, Phường Bãi Bông, Thành phố Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 198.000 | 1.980.000.000 | 22,000 | 0351830099<br>54 |
|   |                      |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                        | Tổng số                   | 198.000 | 1.980.000.000 | 22,000 |                  |
| 4 | PHẠM QUANG DIỆN      | Thôn Nhân Phú, Xã Hùng Dũng, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông         | 198.000 | 1.980.000.000 | 22,000 | 0340890061<br>36 |
|   |                      |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                        | Tổng số                   | 198.000 | 1.980.000.000 | 22,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022184003627

Ngày cấp: 16/08/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 34, ngõ 6 đường phẩm La Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 34, ngõ 6 đường phẩm La Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội